

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THANH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2021/ HNGĐ - ST

Ngày 18/10/ 2021

*V/v: Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam
nữ chung sống với nhau như vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THANH PHỐ NINH BÌNH – TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Phượng

Bà Quách Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về “*Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1972; địa chỉ: đường Đinh Tiên H, phố K, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Hồng V**, sinh năm 1971; địa chỉ: đường Đinh Tiên H, phố K, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị L, anh V có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống, gia đình hai bên đã tổ chức cưới hỏi từ năm 1996 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và anh V, chị L sinh sống tại phố P, phường Ph, thành phố B, tỉnh Ninh Bình. Đến năm 2012, anh V, chị L và hai con chung chuyển đến cư trú tại phố K, phường N, thành phố B.

Chị L, anh V sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Năm 2017, anh V đầu tư trang trại, sinh hoạt chủ yếu ở huyện Q, Ninh Bình nhưng vẫn đi về nhà tại phố K, phường N, thành phố B. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, không chung sống như vợ chồng từ năm 2018 đến nay. Chị L xác định anh V, chị L tuy có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, hiện nay tình cảm của anh V, chị L không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị.

Về con chung: Anh V, chị L có hai con chung là cháu Nguyễn X sinh ngày 14/10/2000 và cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013. Cháu Nguyễn X đã trên 18 tuổi, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi cháu X. Đối với cháu Nguyễn Phương C, chị L đề nghị trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phương C đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu C.

Về tài sản chung: Anh V và chị L có thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất, địa chỉ thửa đất: Khu đô thị mới Qu trung tâm thành phố thuộc phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; Nay là địa chỉ: đường Đinh Tiên H, phố K, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 632416 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 24/12/2010 mang tên anh Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thị L.

Nguồn gốc của thửa đất và nhà trên đất là của chị L, anh V đã tạo dựng trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Anh V, chị L không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 23/9/2021 chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V đã có thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình ghi nhận sự thỏa thuận theo Biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2021 đã nộp cho Tòa án với nội dung sau: Tài sản là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất, địa chỉ thửa đất: Khu đô thị mới Qu trung tâm thành phố thuộc phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; Nay là địa chỉ: đường Đinh Tiên H, phố K, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 632416 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 24/12/2010 mang tên ông Nguyễn Hồng V và bà Nguyễn Thị L.

Tổng giá trị tài sản của thửa đất trên và nhà ở là: 16.000.000.000đ (Mười sáu tỷ đồng).

Anh V và chị L thống nhất: Toàn bộ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất để lại cho hai con chung của anh V, chị L là cháu Nguyễn X sinh ngày 14/10/2000 và cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013. Cháu Nguyễn Phương C chưa đủ 18 tuổi sẽ giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý phần của cháu C đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Hiện nay do hai cháu X và cháu C chưa có nhu cầu sử dụng nên toàn bộ thửa đất trên và nhà trên đất giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý và sử dụng đến khi nào cháu X, cháu C có nhu cầu sử dụng thì ông V sẽ giao lại.

Ngoài ra chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng và hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án: Về con chung chị đề nghị được nuôi hai cháu X và cháu C, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi hai cháu. Về tài sản chung vẫn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2021, và công nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Hồng V đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và sự việc không có đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi tổ chức lễ cưới theo thủ tục truyền thống anh V, chị L sống với nhau từ năm 1996 đến 2012 là hạnh phúc. Sau đó anh V, chị L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Năm 2017 mâu thuẫn của anh chị càng trầm trọng hơn, năm 2018 anh chị sống ly thân không còn ai quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm của anh chị không còn và chị L cũng có đơn đề nghị Tòa án

không công nhận vợ chồng với anh V, anh V đồng ý với đề nghị của chị L đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Như lời trình bày của chị L đúng. Khi anh V, chị L chung sống với nhau có 02 con chung: Cháu Nguyễn X sinh ngày: 14/10/2000; Cháu Nguyễn Phương C sinh ngày: 20/11/2013; Hiện nay hai cháu đang sống cùng anh V, chị L. Khi Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh V và chị L. Anh V có nguyện vọng nuôi hai cháu X và Cháu C, nếu hỏi ý kiến của cháu C, cháu C đồng ý ở anh V thì anh V nuôi còn nếu cháu C muốn ở với mẹ thì anh V đồng ý để chị L nuôi dưỡng cháu Chi, cháu X.

Về cấp dưỡng: Nếu anh V nuôi cháu C, cháu X anh V không yêu cầu chị L cấp dưỡng; Trường hợp chị L nuôi cháu C, cháu X, Chị L không yêu cầu cấp dưỡng anh V đồng ý.

Về tài sản chung: Khi chung sống với nhau như vợ chồng với chị L anh V có 01 mảnh đất tại: Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất, địa chỉ thửa đất: Khu đô thị mới Qu trung tâm thành phố thuộc phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; Nay là địa chỉ: đường Đinh Tiên H, phố K, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Nguồn gốc của thửa đất trên và tài sản trên đất là do anh mua và đầu tư xây dựng toàn bộ công trình, chị L không tham gia vào việc mua đất và xây dựng nhà. Khi xây xong thì anh V có vay của chị L 03 cây vàng để trả nợ tiền xây nhà sau đó chị L có đòi lại và anh V đã thanh toán đầy đủ cho chị L.

Nguyện vọng anh V muốn để lại thửa đất trên và tài sản trên đất cho hai con chung là cháu Nguyễn X và cháu Nguyễn Phương C. Anh V sẽ quản lý nhà và đất trên đến khi cháu C đủ 18 tuổi anh V sẽ giao nhà và đất cho cháu X và cháu C.

Về công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Anh V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2021 đã nộp cho Tòa án với nội dung: Toàn bộ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất anh V và chị L để lại cho hai con chung là cháu Nguyễn X sinh ngày 14/10/2000 và cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013. Cháu Nguyễn Phương C chưa đủ 18 tuổi sẽ giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý phần của cháu C đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Hiện nay do hai cháu X, C chưa có nhu cầu sử dụng nên toàn bộ thửa đất trên và nhà trên đất nên

giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý và sử dụng đến khi nào cháu X có nhu cầu sử dụng thì anh V sẽ giao lại.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng và hòa giải bị đơn anh Nguyễn Hồng V đề nghị Tòa án: Về con chung anh V đồng ý để chị L được nuôi hai cháu X và cháu C vì cháu C có nguyện vọng muốn ở với mẹ và anh V không phải cấp dưỡng nuôi hai cháu. Về tài sản chung vẫn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2021, và công nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 22/07/2021, Tòa án tiến hành xác minh tại phường N, thành phố B cung cấp: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V chung sống với nhau tại phường N từ năm 2012 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai người có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Phố K, phường N, thành phố B.

Ngày 28/07/2021, Tòa án tiến hành xác minh tại phường Ph, thành phố B cung cấp: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V chung sống với nhau từ năm 1996 đến năm 2012 ở phường Ph, thành phố B nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai người có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Phố Phúc Tr, phường Ph, thành phố B đến năm 2012 thì chuyển đến phường N, thành phố B. Hiện nay chị L và anh V không còn sống tại phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tài sản đã định giá tài sản tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. Chị L đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản. Sau khi anh V và chị L đã thỏa thuận được với nhau về tài sản, chị Nguyễn Thị L đã tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản không yêu cầu anh V phải hoàn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc “ Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng”, ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V về tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hồng V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2021 đã nộp cho Tòa án với nội dung: Toàn bộ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất anh V và chị L cho hai con chung là cháu Nguyễn X sinh ngày 14/10/2000 và cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013. Cháu Nguyễn Phương C chưa đủ 18 tuổi sẽ giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý phần của cháu C đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Hiện nay do hai cháu X, C chưa có nhu cầu sử dụng nên toàn bộ thửa đất trên và nhà trên đất nên giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý và sử dụng đến khi nào cháu X có nhu cầu sử dụng thì anh V sẽ giao lại.

4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị L đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản. Quá trình giải quyết Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này không yêu cầu anh V phải hoàn lại nên ghi nhận sự tự nguyện của chị L.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba Trăm nghìn đồng chẵn)được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 000593 ngày 06/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/000614 ngày 23/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Anh Nguyễn Hồng V không phải nộp án phí hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Hồng V đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố K, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Do đó căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống, gia đình hai bên đã tổ chức cưới hỏi từ năm 1996 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và anh V, chị L sinh sống tại phố Ph1, phường Ph, thành phố B, tỉnh Ninh Bình. Đến năm 2012, anh chị và hai con chung chuyển đến cư trú tại phố K, phường N, thành phố B.

Chị L, anh V sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, không chung sống như vợ chồng từ năm 2018 đến nay. Chị L xác định anh V, chị L tuy có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, hiện nay tình cảm của anh chị không còn nên chị L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh V. Anh V đồng ý không công nhận vợ chồng với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh V chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V không được pháp luật công nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh V có hai con chung là cháu Nguyễn X sinh ngày 14/10/2000 đã trên 18 tuổi không đề nghị Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013. Chị L đề nghị nuôi cả hai cháu X và cháu C. Quá trình giải quyết anh V xác định con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì cả anh V và chị L đều thống nhất giao cháu C cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương C đến khi cháu đủ 18 tuổi. Mặt khác, đơn trình bày của cháu C có nguyện vọng được ở cùng mẹ và cháu C đã trên 07 tuổi. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh V, giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương C đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, là phù hợp theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung:

Tại đơn khởi kiện chị L đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản của anh chị thừa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất, địa chỉ thửa đất: Khu đô thị mới Quảng trường trung tâm thành phố thuộc phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Nay là địa chỉ: đường Đinh Tiên H, phố K, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 632416 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 24/12/2010 mang tên anh Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thị L. Đề nghị Tòa án giải quyết tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Trước khi Tòa án tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ngày 23/9/2021 anh V và chị L đã thỏa thuận được với nhau về tài sản và đề nghị tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2021 với nội dung: Toàn bộ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất anh V và chị L để lại cho hai con chung là cháu Nguyễn X sinh ngày 14/10/2000 và cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013. Cháu Nguyễn Phương C chưa đủ 18 tuổi sẽ giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý phần của cháu C đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Hiện nay do hai cháu X, C chưa có nhu cầu sử dụng nên toàn bộ thửa đất trên và nhà trên đất nên giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý

và sử dụng đến khi nào cháu X có nhu cầu sử dụng thì anh V sẽ giao lại. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Biên bản thỏa thuận 23/9/2021 của các đương sự.

Về công nợ chung: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị L đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản. Quá trình giải quyết Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này không yêu cầu anh V phải hoàn lại nên ghi nhận sự tự nguyện của chị L.

[7] . Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 000593 ngày 06/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Ninh Bình.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 000614 ngày 23/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình

Anh Nguyễn Hồng V không phải nộp án phí hôn nhân gia đình.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013 cho đến khi cháu

Chỉ đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hồng V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V theo biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2021 với nội dung: Toàn bộ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27PL3, diện tích 315m² và nhà ở trên đất anh V và chị L để lại cho hai con chung là cháu Nguyễn X sinh ngày 14/10/2000 và cháu Nguyễn Phương C sinh ngày 20/11/2013. Cháu Nguyễn Phương C chưa đủ 18 tuổi sẽ giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý phần của cháu C đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Hiện nay do hai cháu X, C chưa có nhu cầu sử dụng nên toàn bộ thửa đất trên và nhà trên đất nên giao cho anh Nguyễn Hồng V quản lý và sử dụng đến khi nào cháu Thành có nhu cầu sử dụng thì anh V sẽ giao lại.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba Trăm nghìn đồng chẵn) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 000593 ngày 06/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Ninh Bình.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 000614 ngày 23/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình

Anh Nguyễn Hồng V không phải nộp án phí hôn nhân gia đình.

Án xử công khai chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hồng V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- UBND xã Cồn Thoi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Lâm Thị Thanh Nhân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Kim Phụng Quách Thị Thu Hương Lâm Thị Thanh Nhân